

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ là chi phí gia công làm hàng xuất khẩu, chi phí điện, chi phí các công trình xây dựng...

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

+ Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động chưa hoàn thành đầu tư).

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

12. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2011: 20.618 VNĐ/USD.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày ở phần thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2011	30/06/2011	01/01/2011
Tiền		2.769.854.334	4.098.883.541
Tiền mặt		275.777.231	709.527.899
Tiền gửi ngân hàng		2.494.077.103	3.389.355.642
Tiền gửi ngân hàng VND		1.876.013.739	2.419.618.655
Tiền gửi ngân hàng USD	29.976,64 USD	618.063.364	969.736.987
Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		-	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN14		-	5.000.000.000
Cộng		2.769.854.334	9.098.883.541
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/06/2011	30/06/2011	01/01/2011
Phải thu khách hàng		25.814.327.322	37.944.209.906
Khách hàng trong nước		18.303.263.116	27.260.299.581
Khách hàng nước ngoài	364.296,58 USD #	7.511.064.206	10.683.910.325
Trả trước cho người bán		13.937.377.694	11.696.477.439
Nhà cung cấp trong nước		13.937.377.694	11.696.477.439
Nhà cung cấp nước ngoài		-	-
Các khoản phải thu khác		2.339.443.737	2.031.873.963
Cục Hải Quan TP. HCM - thuế nhập khẩu tạm nộp		744.227.840	538.489.911
Tiền cho vay mua nhà		861.586.768	887.173.536
Thuế TNCN			9.934.887
Phải thu khác		733.629.129	596.275.629
Cộng		42.091.148.753	51.672.561.308
(-) Dự phòng phải thu khó đòi		(460.947.948)	(460.947.948)
Cộng giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		41.630.200.805	51.211.613.360
3. Hàng tồn kho		30/06/2011	01/01/2011
Hàng đang đi đường		-	-
Nguyên liệu, vật liệu		21.519.795.243	19.017.258.420
Công cụ, dụng cụ		256.386.421	29.889.497
Chi phí SX, KD dở dang		30.099.887.121	9.796.870.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Hàng tồn kho (tiếp theo)		30/06/2011	01/01/2011	
Thành phẩm		20.899.495.357	14.560.510.539	
Hàng hoá		-	-	
Hàng gửi đi bán		50.432.976	50.432.976	
Cộng giá gốc hàng tồn kho		72.825.997.118	43.454.962.147	
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(282.837.321)	(282.837.321)	
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		72.543.159.797	43.172.124.826	
4. Tài sản ngắn hạn khác		30/06/2011	01/01/2011	
Tạm ứng		982.432.139	385.194.128	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	-	
Cộng		982.432.139	385.194.128	
5. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 24				
6. Tài sản cố định vô hình				
Quyền sử dụng đất	01/01/2011	Tăng	Giảm	30/06/2011
Nguyên giá	13.774.278.800	-	-	13.774.278.800
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	13.774.278.800			13.774.278.800
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30/06/2011	01/01/2011	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án				
Khu kỹ nghệ gỗ		963.133.152	962.413.152	
Công trình máy ép gạch		662.733.278	495.160.953	
Chi phí khác		37.030.849	123.850.328	
CP Tư vấn QH tỷ lệ 1/500 DA khu phức hợp TM căn hộ		207.749.455		
Cộng		1.870.646.734	1.581.424.433	
8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Xem trang 25				
9. Nợ ngắn hạn		30/06/2011	01/01/2011	
Vay và nợ ngắn hạn				
Vay ngắn hạn		26.592.561.580	17.389.437.054	
Nợ dài hạn đến hạn trả		-	-	
Cộng		26.592.561.580	17.389.437.054	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn

Vay bằng Đồng Việt Nam	10.651.627.873	9.224.375.559
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN14 (*)	3.089.680.486	4.134.638.086
Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - SGD II (**)	6.980.402.089	4.422.479.968
Vcy cá nhân (Cán bộ Công nhân viên)	581.545.298	667.257.505
Vay bằng Ngoại tệ - USD	15.940.933.707	8.165.061.495
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN14 (*)	15.940.933.707	8.165.061.495
Tổng cộng	26.592.561.580	17.389.437.054

Ghi chú:

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 14, theo HĐTD số 10.36.0021A/HĐTDTM tháng 08/2010; Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng bao gồm cả VNĐ và ngoại tệ tương đương; Mục đích vay: thanh toán tiền lương, mua nguyên vật liệu, vật tư... và chi phí khác phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay: 12,5 %/ năm và biên độ. Thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa là 6 tháng. Hình thức đảm bảo tiền vay: cho vay không có đảm bảo bằng tài sản và áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung.

(**) Khoản vay tại Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - SGD II, theo hợp đồng tín dụng số 113/2010/HDXKHM-NHPT.PC ngày 15/10/2010. Hạn mức cho vay: 7.000.000.000 VND; Mục đích vay: thực hiện phương án SXKD mặt hàng xuất khẩu SP gỗ. Lãi suất cho vay: 9,6 %/ năm và biên độ. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng tài sản.

	30/06/2011	30/06/2011	01/01/2011
10. Phải trả cho người bán			
Nhà cung cấp trong nước		2.799.968.530	4.984.792.113
Nhà cung cấp nước ngoài	394.708,45 USD #	8.138.098.822	12.130.721.408
Cộng		10.938.067.352	17.115.513.521
11. Người mua trả tiền trước			
Khách hàng trong nước		2.755.658.381	375.678.162
Khách hàng nước ngoài	48.639,54 USD #	1.002.850.036	788.965.353
Cộng		3.758.508.417	1.164.643.515
12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		591.156.142	508.447.555
Thuế xuất nhập khẩu		281.502.925	242.359.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.484.342.933	2.331.106.769
Thuế thu nhập cá nhân		80.198.886	81.822.939
Cộng		2.437.200.886	3.163.736.681